

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K3 NĂM 2016

Tháng 1 năm 2016

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.700*10%)	Thành tiền	Ghi chú
101	8	879	900	21	12.870	270.270	
102	8	872	886	14	12.870	180.180	
103	6	626	643	17	12.870	218.790	
104	8	585	594	9	12.870	115.830	
105	8	531	540	9	12.870	115.830	
106	8	501	503	2	12.870	25.740	
107	PSHC				12.870	0	
108					12.870	0	
109	8	747	766	19	12.870	244.530	
110	7	350	360	10	12.870	128.700	
111	8	525	526	1	12.870	12.870	
112	8	813	823	10	12.870	128.700	
113	6	622	631	9	12.870	115.830	
114	7	600	611	11	12.870	141.570	
201	7	740	756	16	12.870	205.920	
202	8	553	563	10	12.870	128.700	
203	7	1292	1303	11	12.870	141.570	
204	8	753	766	13	12.870	167.310	
205	8	0	11	11	12.870	141.570	
206	8	822	848	26	12.870	334.620	
207	8	1184	1204	20	12.870	257.400	
208	8	899	928	29	12.870	373.230	
209	8	1097	1118	21	12.870	270.270	
210	8	1083	1094	11	12.870	141.570	
211	8	1353	1364	11	12.870	141.570	
212	8	846	860	14	12.870	180.180	
213	8	904	914	10	12.870	128.700	
214	8	916	927	11	12.870	141.570	
301	7	843	854	11	12.870	141.570	
302	8	895	914	19	12.870	244.530	
303	8	1042	1056	14	12.870	180.180	
304	8	770	781	11	12.870	141.570	
305	7	771	787	16	12.870	205.920	
306	8	940	954	14	12.870	180.180	
307	PSHC				12.870	0	
308					12.870	0	
309	8	774	786	12	12.870	154.440	
310	8	789	798	9	12.870	115.830	

311	8	701	713	12	12.870	154.440
312	8	720	730	10	12.870	128.700
313	8	731	736	5	12.870	64.350
314	0	866	874	8	12.870	102.960
401	8	823	834	11	12.870	141.570
402	8	754	762	8	12.870	102.960
403	8	885	890	5	12.870	64.350
404	8	723	737	14	12.870	180.180
405	8	459	469	10	12.870	128.700
406	8	586	594	8	12.870	102.960
407	8	667	686	19	12.870	244.530
408	8	715	720	5	12.870	64.350
409	8	467	474	7	12.870	90.090
410	8	585	594	9	12.870	115.830
411	7	548	562	14	12.870	180.180
412	7	485	490	5	12.870	64.350
413	7	675	692	17	12.870	218.790
414	8	440	450	10	12.870	128.700
501	7	592	605	13	12.870	167.310
502	8	430	448	18	12.870	231.660
503	5	412	418	6	12.870	77.220
504	6	434	439	5	12.870	64.350
505	7	463	470	7	12.870	90.090
506	6	460	467	7	12.870	90.090
507	8	331	340	9	12.870	115.830
508	8	308	322	14	12.870	180.180
509	7	530	538	8	12.870	102.960
510	8	297	301	4	12.870	51.480
511	6	348	365	17	12.870	218.790
512	6	400	400	0	12.870	0
513	0	330	338	8	12.870	102.960
514	7	478	485	7	12.870	90.090
Cộng	484			752		9.678.240

(Bằng chữ: Chín triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KÝ TÚC XÁ

NGƯỜI ĐỌC SỐ

NGƯỜI LẬP

ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Dương Văn Thanh

Trần Thị Hà